

LỊCH SỬ - VĂN HÓA

CHỦ NGHĨA TAM DÂN TÔN TRUNG SƠN NGỌN CỜ TƯ TƯỞNG CỦA CÁCH MẠNG TÂN HỢI

PGS. NGUYỄN BẰNG TƯỜNG

*Học viện Chính trị -
Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh*

Cách mạng Tân Hợi (1911) là cuộc cách mạng dân chủ tư sản đầu tiên ở Trung Quốc. Trong quá trình hoạt động cách mạng Tôn Trung Sơn đã hình thành học thuyết Tôn Trung Sơn để chỉ đạo cách mạng. Chủ nghĩa Tam dân là hạt nhân của học thuyết đó.

Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn ra đời và phát triển cùng với quá trình cách mạng. Bài viết này cố gắng nêu lên quá trình đó, khẳng định vai trò tích cực đồng thời cũng chỉ ra những hạn chế của Chủ nghĩa Tam dân.

1. Cơ sở triết học của Chủ nghĩa Tam dân

Để hiểu rõ Chủ nghĩa Tam dân, trước hết cần xem xét cơ sở triết học của Chủ nghĩa Tam dân. Có thể nêu ra ba vấn đề là: Dân sinh sử quan, thuyết tri nan

hành dị và sự phân ra ba loại người của Nho giáo.

a) “Dân sinh sử quan”

“Dân sinh sử quan” là nguyên lý luôn coi trọng cả 2 yếu tố vật chất và tinh thần. Tôn Trung Sơn giải thích như sau:

- Trọng tâm của lịch sử là vấn đề “dân sinh”, vấn đề dân sinh là “nguyên động lực” của tiến hóa xã hội. “Dân sinh” là cuộc sống của nhân dân, sinh tồn của xã hội, sinh kế của quốc dân, sinh mệnh của quần chúng.

Dân sinh sử quan có yếu tố tích cực, tiến bộ là đề cao vai trò của “dân sinh”, không coi “cá nhân anh hùng”, “tinh thần tuyệt đối” là “trọng tâm” và “nguyên động lực” của lịch sử, nêu cao vai trò của con người là chủ thể của lịch sử, đặc biệt nêu lên: Đời sống kinh tế

duy trì sự tồn tại của con người là “trọng tâm”, đó là biểu hiện của chủ nghĩa duy vật chất phác.

Nhưng Tôn Trung Sơn bàn một cách trừu tượng về “dân sinh”, Ông không nhận thức được bản chất của con người là sự tổng hòa của quan hệ người với tự nhiên và quan hệ người với người. Ông chú ý đến “sinh mệnh” của con người mà không tiếp cận đến tính xã hội của con người. Ông không thấy được vấn đề đời sống, sinh kế của con người là ở trong mối quan hệ xã hội nhất định. Trong xã hội có giai cấp thì vấn đề đó thể hiện ở mối quan hệ giai cấp nhất định, có kẻ áp bức bóc lột, có kẻ bị áp bức bóc lột.

Với quan điểm dân sinh của ông, ông không nhìn thấy “đấu tranh giai cấp” là một quy luật của lịch sử. Ông coi đấu tranh giai cấp là một trạng thái “bệnh hoạn” của tiến hóa xã hội.

b) Thuyết “Tri nan hành dĩ”

Về mặt nhận thức luận ông nêu lên thuyết “Tri nan hành dĩ”. Trong học thuyết này ông đã đề cao những yếu tố sau đây:

- Coi trọng nhận thức quy luật cách mạng.
- Coi trọng vai trò chỉ đạo thực tiễn của nhận thức.
- Coi trọng tinh thần kiên quyết thực hành cách mạng không thỏa hiệp, không nản chí.

Như chủ nghĩa duy vật, ông cho rằng tri thức của người ta là phản ánh đối với sự vật khách quan, không phải là sinh

ra từ “bản tính của con người”, tri thức của con người phát triển cùng với sự phát triển của sự vật và không dừng lại. Trên cơ sở phương pháp luận này, Tôn Trung Sơn đã từ Chủ nghĩa Tam dân cũ đi tới “Chủ nghĩa Tam dân mới”. Nhưng mặt khác khi phân tích sự thất bại của Cách mạng Tân Hợi ông lại cho rằng đó là do “Nhân tâm”, do sự “bất tri, bất giác” của quần chúng. Ông không nhận thức được nguyên nhân căn bản của sự thất bại là do chưa đánh đổ được cơ sở kinh tế của chế độ nửa phong kiến, nửa thực dân, không tìm được giai cấp cách mạng kiên cường làm động lực cơ bản, không có được một cương lĩnh cách mạng rõ ràng phản đối chủ nghĩa đế quốc, phong kiến theo yêu cầu của quảng đại quần chúng nhân dân. Kỳ thực “Cương lĩnh” cũ đã quá thời, cách mạng thất bại là vì vậy, không phải vì sự “bất tri”, “bất giác” của quần chúng nhân dân.

c) Về thái độ đối với quần chúng nhân dân

Tôn Trung Sơn chia con người ta ra làm 3 loại:

1. Tiên tri, tiên giác
2. Hậu tri, hậu giác
3. Bất tri, bất giác

Ông đề cao vai trò của những cá nhân: nhà phát minh, sáng tạo, người lãnh đạo, cá nhân kiệt xuất. Những người này đóng vai trò là người thầy để dạy bảo quần chúng nhân dân. Đến cuối đời ông mới nhận ra sức mạnh của quần chúng nhân dân và chủ trương “phù trợ nông công”.

2. Vài nét về nội dung và ý nghĩa của Chủ nghĩa Tam dân

Tôn Trung Sơn nói về Chủ nghĩa Tam dân một cách ngắn gọn:

“Định nghĩa theo cách đơn giản nhất thì Chủ nghĩa tam dân là chủ nghĩa cứu nước... Chủ nghĩa Tam dân đưa Trung Quốc tới địa vị quốc tế bình đẳng, địa vị kinh tế bình đẳng làm cho Trung Quốc mãi tồn tại trên thế giới... Tin theo Chủ nghĩa Tam dân thì sẽ có thể nảy sinh lực lượng cách mạng cực lớn. Thứ lực lượng cực lớn này sẽ có thể cứu Trung Quốc”.

Chủ nghĩa Tam dân hình thành trong đấu tranh với chủ nghĩa cải lương và là vũ khí đấu tranh của giai cấp tư sản.

Lúc đầu Tôn Trung Sơn khảo sát chế độ chính trị của các nước phương Tây, ông nhận thấy: Ưu điểm của họ là chính trị dân chủ. Nhưng ông phát hiện ra phong trào công nhân ở các nước tư bản lên cao hình thành sự uy hiếp “cách mạng xã hội”. Chế độ TBCN tất yếu, không thể tránh khỏi phải đi đến tan rã. Ông đã bắt đầu hình thành tư tưởng cách mạng XHCN ở Trung Quốc, vượt qua CNTB bằng cách tiến hành đồng thời cách mạng dân chủ tư sản và cách mạng XHCN đó là tư tưởng XHCN không tưởng của Tôn Trung Sơn.

Năm 1905 “Đồng minh hội” thành lập đề ra Cương lĩnh chính trị của cách mạng dân chủ tư sản “đánh đuổi Mãn Thanh khôi phục Trung Hoa, kiến lập dân quốc, bình quân địa quyền”, sau đó Tôn Trung Sơn trong Lời sáng lập “Dân báo” lần đầu tiên công khai trình bày

“Chủ nghĩa Tam dân”. Ông nói:

“Chủ nghĩa dân tộc là đánh đổ sự áp bức phong kiến của Chính phủ nhà Thanh, nhưng không phải là xua đuổi tất cả những người dân tộc Mãn; Chủ nghĩa dân quyền là xây dựng nước Cộng hòa dân chủ của giai cấp tư sản, làm cho mọi người Trung Quốc được bình đẳng, có quyền tham gia chính trị, bầu cử Quốc hội, bầu cử Tổng thống, đặt ra Hiến pháp; Chủ nghĩa Dân sinh là: Bình quân địa quyền, tiết chế tư bản”.

Ý nghĩa lịch sử của Cương lĩnh này là: Lần đầu tiên tuyên bố phương hướng xây dựng chính thể cộng hòa của giai cấp tư sản, phủ định chế độ chuyên chế quân chủ cải biến chế độ ruộng đất phong kiến, mở đường cho phát triển CNTB ở Trung Quốc. Đồng thời Cương lĩnh cũng nói đến cuộc cách mạng XHCN trong tương lai, với ý đồ đem cách mạng tư sản và cách mạng XHCN “cùng đồng thời tiến hành”, mang sắc thái của CNXH không tưởng, trên lịch sử cận đại Trung Quốc đây là tư tưởng XHCN không tưởng thứ 3 sau xã hội nông nghiệp không tưởng của Thái bình thiên quốc và “thế giới đại đồng” không tưởng của Khang Hữu Vi.

Lê-nin đánh giá cao Cương lĩnh chính trị của Tôn Trung Sơn trong bài “Chủ nghĩa dân chủ và chủ nghĩa dân túy ở Trung Quốc”. Lê-nin viết: “Chủ nghĩa dân chủ trung thực và chiến đấu thấm sâu vào từng dòng chữ trong cương lĩnh của Tôn Trung Sơn. Cương lĩnh đó hiểu rõ ràng chỉ làm cách mạng “chúng tộc”

không thôi thì không đủ. Trong Cương lĩnh đó không thể có một chút tinh thần vô chính trị nào cả, hay dù chỉ là sự coi nhẹ tự do chính trị, dù chỉ là có tư tưởng dung hòa “cuộc cải cách xã hội”, những cải cách lập hiến ở Trung Quốc, v.v... với chế độ chuyên chế Trung Quốc. Cương lĩnh đó tán thành chủ nghĩa dân chủ hoàn chỉnh và đòi hỏi phải thành lập chế độ cộng hòa. Cương lĩnh đó trực tiếp đề cập đến vấn đề tình cảnh của quần chúng, vấn đề đấu tranh của quần chúng, nhiệt liệt đồng tình với những người lao động và bị bóc lột, tin tưởng rằng họ có chính nghĩa và sức mạnh” [Lê-nin Toàn tập, t.21, tr. 513 - 514].

Tiếp sau đó Lê-nin đã nêu lên nhận xét và đánh giá về bản Cương lĩnh đó như sau:

“Trước mặt chúng ta là một hệ tư tưởng thực sự vĩ đại của một dân tộc thực sự vĩ đại, một dân tộc chẳng những biết xót xa về tình trạng nô lệ lâu đời của mình, chẳng những biết mơ ước đến tự do và bình đẳng, mà còn biết đến đấu tranh chống lại những kẻ đã áp bức Trung Quốc hàng thế kỷ” [Lê-nin Toàn tập, t.21, tr. 513 - 514].

Nhìn chung lại, Cương lĩnh dân chủ chủ nghĩa của Tôn Trung Sơn trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ nêu lên được tình trạng đời sống quần chúng, vấn đề đấu tranh của quần chúng và nhiệt liệt đồng tình với quần chúng nhân dân, những người bị bóc lột, đã phản ánh giai cấp mà Tôn Trung Sơn đại biểu còn là giai cấp tư sản tiến bộ đang lên. Tư tưởng và

Chính cương của ông đều có ý nghĩa và tác dụng tiến bộ, ông là người đầu tiên tiến hành cuộc cách mạng dân chủ tư sản.

3. Những hạn chế của Chủ nghĩa Tam dân

Tuy vậy, trước Cách mạng Tháng Mười, trước ĐCS Trung Quốc thành lập, tư tưởng của Tôn Trung Sơn cũng có những hạn chế và không đúng.

a) Tính không triệt để trong việc xóa bỏ chế độ phong kiến

“Bình quân địa quyền” không kết hợp chặt chẽ với vấn đề ruộng đất của nông dân, do đó làm suy yếu tính tích cực của quảng đại quần chúng nông dân tham gia cách mạng; không thể mở rộng cơ sở phong trào quần chúng, không lợi dụng được phong trào cách mạng của quần chúng để xóa bỏ cơ sở của chế độ phong kiến. Điều đó cũng nói lên giai cấp tư sản dân tộc Trung Quốc, dù trong thời kỳ cách mạng nhất của nó cũng không lãnh đạo được giai cấp nông dân.

b) Thái độ không tương đối với chủ nghĩa đế quốc

Trong Cương lĩnh chính trị của Tôn Trung Sơn năm 1905 và trong Tuyên ngôn đối ngoại của “Đồng minh hội” năm 1911 đều không trực tiếp đề ra khẩu hiệu chống chủ nghĩa đế quốc, thậm chí còn có ảo tưởng ở chủ nghĩa đế quốc, nhiều thành viên của “Đồng minh hội” lấy việc thừa nhận chủ nghĩa đế quốc có đặc quyền bất bình đẳng ở Trung Quốc làm điều kiện trao đổi để chủ nghĩa đế

quốc không can thiệp vào cách mạng Trung Quốc, cũng như muốn chủ nghĩa đế quốc giúp đỡ Trung Quốc xây dựng, những điều đó đều nói lên họ sợ chủ nghĩa đế quốc, không nhận thức được bản chất của chủ nghĩa đế quốc.

c) Thái độ duy tâm đối với vai trò lịch sử của quần chúng nhân dân

Trong Chính cương tuy trên một mức độ nhất định Tôn Trung Sơn đồng tình và tin tưởng ở lực lượng của quần chúng nhân dân, nhưng ông thiếu phương pháp cụ thể để tổ chức và phát động quần chúng nhân dân, đặc biệt là để quần chúng nhân dân tham gia cách mạng. Ông tin tưởng vào phương thức đảo chính quân sự, mãi đến năm 1925 trước khi mất ông mới ý thức được ý nghĩa trọng đại của việc “thức tỉnh quần chúng”.

4. Sự chuyển biến Chủ nghĩa Tam dân cũ sang Chủ nghĩa Tam dân mới

Sau khi thành lập Trung Hoa dân quốc, về mặt nhận thức Tôn Trung Sơn bắt đầu có sự thay đổi, ông đã dần dần cải biến Chủ nghĩa Tam dân cũ thành Chủ nghĩa Tam dân mới. Quá trình cải biến đó là do những tác động của tình hình trong nước và trên thế giới. Có thể nêu lên mấy điểm sau:

a) Tôn Trung Sơn thất vọng đối với Chính phủ Bắc Dương, làm cho Tôn Trung Sơn nhận thức sâu sắc hơn đối với chế độ chuyên chế phong kiến

Tư tưởng Tôn Trung Sơn về vấn đề dân tộc trước khi thành lập Trung Hoa

dân quốc là tập trung đánh đổ triều đình Mãn Thanh, nên sau khi đánh đổ được triều đình Mãn Thanh, ông và phe cách mạng coi như đã đạt được mục tiêu, không đánh giá đúng những thế lực phản động của chế độ phong kiến, chúng vẫn tiếp tục chống lại cách mạng, sau khi chuyển giao chính quyền vào tay Viên Thế Khải, Trung Hoa dân quốc chỉ còn là một chiêu bài trống rỗng.

b) Nhận thức sâu sắc hơn về chủ nghĩa đế quốc

Trước khi thành lập Trung Hoa dân quốc, Tôn Trung Sơn và phái cách mạng không nêu lên khẩu hiệu “phản đế”, thậm chí còn có ảo tưởng đối với các nước đế quốc. Sau khi thành lập Trung Hoa dân quốc, Tôn Trung Sơn qua thực tế càng nhận rõ hơn bản chất xâm lược của chủ nghĩa đế quốc. Chúng không công nhận Chính phủ lâm thời Nam Kinh, chúng vẫn duy trì địa vị và đặc quyền trên lãnh thổ Trung Quốc...

Đại chiến thế giới lần thứ nhất và Cách mạng Tháng Mười Nga đã ảnh hưởng đến Tôn Trung Sơn và phái cách mạng. Đại chiến thứ nhất kết thúc, các nước lớn thắng trận không có những việc làm ủng hộ các dân tộc bị áp bức, bị bóc lột. Tháng 1-1918 Tổng thống Mỹ Uynxon nêu lên kế hoạch 14 điểm trong đó có nguyên tắc về “quyền dân tộc tự quyết”, nhưng rồi trong Hội nghị hòa bình ở Pari không được đề ra. Còn các nước thắng trận khác như Anh, Pháp thì tìm mọi cách để chống lại việc thực hiện “quyền dân tộc tự quyết”. Tôn Trung Sơn

kịch liệt lên án những quyết định chống lại các dân tộc bị áp bức ở “Hòa đàm Pari”.

Tôn Trung Sơn và phái cách mạng nhiệt liệt hoan nghênh cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga. Qua cuộc cách mạng này, ông càng nhận thức sâu thêm về chủ nghĩa dân tộc, ông hy vọng nhận được sự giúp đỡ cách mạng Trung Quốc từ nước Nga Xô -viết.

c) Nhận thức sâu sắc thêm về lực lượng cách mạng của quần chúng nhân dân

Do sự thất bại của Trung Quốc tại cuộc “Hòa đàm Pari”, năm 1919 đã nổ ra phong trào yêu nước chống chủ nghĩa đế quốc (Phong trào Ngũ tứ). Tại “Hòa đàm Pari”, các nước đã quyết định chuyển nhượng toàn bộ đặc quyền của nước Đức ở tỉnh Sơn Đông Trung Quốc giao cho Nhật Bản. Nhân dân Trung Quốc vô cùng phẫn nộ trước việc làm đó của các nước đế quốc. Nổi lên một phong trào yêu nước chống chủ nghĩa đế quốc ở khắp nơi lấy Bắc Kinh làm trung tâm. Học sinh bãi khóa, thương nhân bãi thị, biểu tình diễn ra ở các nơi trong nước. Phong trào Ngũ tứ đã làm cho Tôn Trung Sơn nhìn thấy triển vọng của cuộc cách mạng dân tộc do có sự tham gia của lực lượng quần chúng.

d) Lý luận của Lê-nin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa tác động đến tư tưởng của Tôn Trung Sơn

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, CNTB phát triển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Trên thế giới xuất hiện 2 loại

quốc gia dân tộc: *Một loại* là các quốc gia dân tộc lớn mạnh kinh tế phát triển, là các nước đế quốc chủ nghĩa thống trị và bóc lột các quốc gia khác. *Một loại* là các quốc gia dân tộc nhược tiểu, kinh tế kém phát triển là thuộc địa của các nước lớn, bị áp bức, bị bóc lột. Lê-nin đã phát triển chủ nghĩa Mác và nêu lên lý luận về chủ nghĩa đế quốc, phân tích những mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa đế quốc và vạch ra con đường cách mạng nhằm giải phóng các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Với sự thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, một mắt xích quan trọng của dây chuyền CNTB đã bị phá vỡ, và đã truyền bá chủ nghĩa Mác đến các dân tộc đang bị áp bức, bị bóc lột. Tôn Trung Sơn đã tiếp thu chủ nghĩa Mác ở một chừng mực nhất định và cải biến lý luận Chủ nghĩa Tam dân của mình.

Do 4 nhân tố kể trên, Tôn Trung Sơn đã khắc phục những hạn chế, đồng thời bổ sung và phát triển Chủ nghĩa Tam dân trở thành Chủ nghĩa Tam dân mới.

5. Chủ nghĩa Tam dân và 3 chính sách lớn

Ba chính sách lớn được hình thành vào khoảng tháng 12-1925 và ngày 12-3-1926, ba chính sách lớn được phát biểu trên báo.

Ngày 4-11-1926, trong báo cáo của Trần Độc Tú ở Bộ Chính trị ĐCS Trung Quốc đã nêu lên cách diễn đạt về ba chính sách lớn là: “Ba chính sách lớn liên Nga, liên cộng, phù trợ nông công của Tổng lý”. Ba chính sách này đề ra là sự tổng kết của ĐCS Trung Quốc và

Quốc dân Đảng đối với phương lược cách mạng của Tôn Trung Sơn. Tuy rằng khái niệm về “Ba chính sách lớn” được nêu lên một cách rõ ràng và đầy đủ là sau khi Tôn Trung Sơn đã qua đời, nhưng sự khái quát đó là phù hợp với sự thực lịch sử, phù hợp với tinh thần của Đại hội I Quốc dân Đảng và đã phản ánh được một cách đúng đắn nội dung chủ yếu của phương lược cách mạng mà Tôn Trung Sơn đề ra để thực hiện Chủ nghĩa Tam dân.

Những người lãnh đạo Quốc dân Đảng sau khi Tôn Trung Sơn qua đời đã không quán triệt “Ba chính sách lớn”, do đó ảnh hưởng đến việc thực hiện “Chủ nghĩa Tam dân”. Đảng Cộng sản Trung Quốc lại rất nhấn mạnh và đề cao ý nghĩa của “Ba chính sách lớn” của Tôn Trung Sơn.

a) “Ba chính sách lớn” là phương pháp cơ bản để thực hiện Chủ nghĩa Tam dân

“Ba chính sách lớn” của Tôn Trung Sơn là phương pháp và con đường duy nhất đúng đắn để thực hiện “Chủ nghĩa Tam dân”. Không có “Ba chính sách lớn” thì “Chủ nghĩa Tam dân” không thể thực hiện được, thực tế lịch sử chứng minh sau khi thực hiện “Ba chính sách lớn” thì tổ chức của Quốc dân Đảng được đổi mới và lớn mạnh, căn cứ địa được củng cố, Bắc phạt thắng lợi, v.v... Năm 1927 sau khi Quốc dân Đảng vứt bỏ “Ba chính sách lớn” của Tôn Trung Sơn tạo ra tình trạng nội chiến, dẫn đến những tai họa cho nhân dân.

“Ba chính sách lớn” lúc đó đã có tác dụng là:

- Thúc đẩy cuộc kháng Nhật đi đến thắng lợi.

- Tăng cường quan hệ Trung - Xô là tranh thủ sự viện trợ cơ bản, đáng tin cậy từ bên ngoài.

- Tăng cường Quốc- Cộng hợp tác và phát động lực lượng của quảng đại quần chúng công nông mở rộng mặt trận thống nhất kháng Nhật. Đó là khâu mấu chốt để giành lấy thắng lợi cuối cùng.

b) “Ba chính sách lớn” là tiêu chí chủ yếu của “Chủ nghĩa Tam dân” mới

“Ba chính sách lớn” không chỉ là những chính sách, những biện pháp thông thường, mà ở đây đã trở thành tiêu chí để đánh dấu sự phát triển của “Chủ nghĩa Tam dân” đến một giai đoạn mới, cũng là linh hồn của “Chủ nghĩa Tam dân”.

Chủ nghĩa Tam dân cũ là sản phẩm của thời kỳ trước. Trong điều kiện lịch sử mới xuất hiện nước XHCN đầu tiên, trong nước có Đảng Cộng sản ra đời, phong trào của công nhân và nông dân ngày càng có ý nghĩa to lớn về mặt chính trị, Tôn Trung Sơn đã đề ra “Ba chính sách lớn”, phát triển “Chủ nghĩa Tam dân” lên một bước mới, làm cho “Chủ nghĩa Tam dân” có những đặc điểm mới. “Chủ nghĩa Tam dân” cũ không nêu lên khẩu hiệu phản đối chủ nghĩa đế quốc, cũng không nêu khẩu hiệu phản đối chế độ phong kiến và văn hóa phong kiến. Do vậy “Chủ nghĩa Tam dân” cũ không gây được ảnh hưởng tích cực trong quần chúng nhân dân.